

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Số: 05 /2017/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 11 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 /11/ 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005, năm 2009, năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 562/TTr-SNV ngày 17/4/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Quy định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 25/5/2017.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Thi đua Khen thưởng – Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Ban TĐKT Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng tại địa phương;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Diên

QUY ĐỊNH

về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Thái Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /2017/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2. Các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định trong văn bản này thì được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tập thể, cá nhân người Việt Nam, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, tổ chức Quốc tế ở Việt Nam có thành tích xuất sắc góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng của tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Nguyên tắc thi đua được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

2. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào kết quả phong trào thi đua (kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm của tập thể, cá nhân và tiêu chí chấm điểm được xếp thứ tự thi đua từ 1 đến hết của cơ quan, địa phương, đơn vị và khối thi đua).

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

1. Đối với việc khen thưởng tổng kết năm.

a) Đối với cá nhân trong một năm chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng Bằng khen hoặc danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh;

b) Tập thể (không thuộc cụm khối thi đua của tỉnh) và cá nhân đã được khen thưởng cấp Nhà nước (Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc Huân chương các loại, các hạng) thì sau 02 năm mới được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen; sau 03 năm mới đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh nếu đủ tiêu chuẩn đề nghị tặng Bằng khen và danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh;

c) Cơ quan, đơn vị, địa phương đã được tặng Cờ thi đua "Gương mẫu mọi mặt" hoặc Cờ "Chính quyền trong sạch vững mạnh" của Ủy ban nhân dân tỉnh thì

03 năm sau mới được tiếp tục đề nghị xét tặng Cờ "Gương mẫu mọi mặt" hoặc Cờ "Chính quyền trong sạch vững mạnh" nếu đủ tiêu chuẩn đề nghị xét tặng;

d) Trong một năm, với cùng một thành tích không đề nghị xét khen thưởng đồng thời cho tập thể và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đó với cùng một hình thức khen thưởng;

e) Các cơ quan, đơn vị Trung ương xếp thứ Nhất (hoặc thứ Nhì) Khối thi đua của tỉnh được đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua; xếp thứ Ba được đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị này nếu có thành tích xuất sắc được đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh vào dịp tổng kết năm công tác.

2. Đối với khen thưởng theo đợt, chuyên đề, khen thưởng nhân dịp Đại hội, kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống.

a) Chỉ khen thưởng cho các tập thể và cá nhân trực tiếp thực hiện phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề;

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương khi tổ chức tổng kết phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) do cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động:

Đối với đợt thi đua (chuyên đề) có thời gian thực hiện dưới 01 năm chỉ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho không quá 01 tập thể và 03 cá nhân;

Đối với đợt thi đua (chuyên đề) có thời gian thực hiện từ 02 năm trở lên chỉ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng Bằng khen cho không quá 03 tập thể và 06 cá nhân;

Việc đề nghị khen thưởng đối với các phong trào thi đua của ngành, lĩnh vực đặc thù, căn cứ kết quả thực hiện phong trào thi đua và các bản hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh, Ban Thi đua Khen thưởng – Sở Nội vụ phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu.

c) Đối với việc sơ kết, tổng kết theo đợt thi đua hoặc theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động thì Ban Chỉ đạo phong trào hoặc Cơ quan Thường trực giúp việc Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ kết quả thực hiện phong trào, tổ chức bình xét và phối hợp với Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng;

d) Các tổ chức hội có tính chất đặc thù theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân ở các địa phương có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập hoặc ngày truyền thống theo quy định của Nhà nước hoặc nhân dịp Đại hội nhiệm kỳ;

e) Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức Hội không có tính chất đặc thù khi kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống phải xây dựng Kế hoạch tổ chức Lễ kỷ niệm, và phải được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; trong đó dự kiến số lượng và hình thức đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc;

g) Ủy ban nhân dân tỉnh không khen thưởng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức Hội khi tiến hành tổ chức Hội nghị, Hội thảo, Lễ hội, Diễn đàn.

3. Cơ cấu đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

Việc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu Chiến sỹ Thi đua cấp tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các cá nhân phải đảm bảo tỷ lệ cơ cấu cho phù hợp, ưu tiên các đối tượng là người lao động trực tiếp.

Điều 5. Những trường hợp không xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Đối với tập thể.

a) Không đăng ký thi đua, không phát động và tổ chức các phong trào thi đua, không tổ chức sơ kết, tổng kết năm theo quy định; không thực hiện chương trình công tác đã đăng ký với cấp có thẩm quyền;

b) Cơ quan, đơn vị mới thành lập, thời gian hoạt động chưa đủ một năm (dưới 12 tháng);

c) Đảng bộ, chi bộ, công đoàn cơ sở xếp loại yếu kém; thực hiện không tốt công tác cải cách hành chính;

d) Vi phạm chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của tỉnh, của ngành, địa phương, như: Không hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, y tế, các khoản nghĩa vụ và thu nộp khác do Nhà nước và tỉnh quy định, vi phạm pháp luật về giao thông, vi phạm Nghị định 36/2009/NĐ-CP ngày 15/11/2009 của Chính phủ về quản lý và sử dụng pháo; Cơ quan, đơn vị có người vi phạm Pháp lệnh Dân số;

e) Lãnh đạo chủ chốt của cơ quan, đơn vị, địa phương bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (tập thể nhỏ trong đơn vị vẫn được tham gia xét khen thưởng).

2. Đối với cá nhân.

a) Không đăng ký thi đua và các trường hợp được quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP;

b) Cá nhân có dấu hiệu vi phạm đang trong quá trình xác minh hoặc xem xét xử lý kỷ luật;

c) Cá nhân có đơn, thư phản ánh của địa phương nơi cư trú về việc không chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vi phạm Pháp lệnh Dân số; gây tai nạn giao thông lỗi thuộc về cán bộ, công chức, viên chức; tiết lộ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

**TỔ CHỨC THI ĐUA VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN
ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
PHONG TRÀO THI ĐUA VÀ CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG**

Điều 6. Tổ chức phong trào thi đua

Việc tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo Quy định tại Điều 7 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ. Cụ thể như sau:

1. Hàng năm, căn cứ chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan, đơn vị, địa phương... xây dựng kế hoạch và tổ chức phát động thi đua với nội dung và hình thức phù hợp:

a) Việc tổ chức phong trào thi đua phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, có mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện từ đầu năm tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo Cụm, Khối thi đua;

b) Tổ chức ký kết giao ước thi đua giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Cụm, Khối thi đua, giữa các đơn vị, các phòng ban và các cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị để có sự thống nhất cao trong chỉ đạo thực hiện;

c) Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu thi đua, xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện phong trào thi đua để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng cho các cơ quan, đơn vị thuộc Cụm, Khối thi đua và các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Đăng ký thi đua:

a) Cụm, Khối thi đua của tỉnh và các đơn vị trực thuộc Cụm, Khối thi đua của tỉnh đăng ký thi đua với Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 01 hàng năm;

b) Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp và đăng ký thi đua cho các đơn vị trường học trực thuộc trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu. Chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát. Việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay là nhiệm vụ trọng tâm trong việc tổ chức phong trào thi đua.

4. Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua. Định kỳ 6 tháng và kết thúc năm công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các khối, cụm thi đua tiến hành sơ kết tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện phong trào thi đua với Ủy ban nhân dân tỉnh; làm rõ nguyên nhân kết quả đạt được và chưa được; những hạn chế yếu kém cần khắc phục và đề xuất phương hướng giải pháp thực hiện cho năm tiếp theo.

5. Đối với việc tổ chức thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) để thực hiện tốt nhiệm vụ trong khoảng thời gian nhất định hoặc phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải xây dựng kế hoạch cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm và giải pháp thực hiện và phải đăng ký nội dung tổ chức phong trào thi đua với Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo và phát động phong trào thi đua, khen thưởng và đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Giám đốc sở, thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Giám đốc Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các tổ chức hội từ tỉnh đến cơ sở chủ trì tổ chức phát động phong trào thi đua, tổ chức

tuyên truyền nhân rộng các điển hình tiên tiến, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình trong hoạt động thực tiễn, chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phạm vi quản lý để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo qui định của pháp luật.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các thành viên của Mặt trận Tổ quốc tỉnh và tổ chức xã hội các cấp có trách nhiệm:

a) Tổ chức và phối hợp với cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tiên tiến trên địa bàn;

b) Tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên và nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia các phong trào thi đua góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ an ninh quốc phòng trên địa bàn;

c) Giám sát thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; phát hiện, đề xuất những điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua đề nghị thủ trưởng cơ quan cùng cấp khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện có hiệu quả quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng trên địa bàn.

Mục 2

DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét tặng hàng năm cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 Nghị định số 65/2014/NĐCP của Chính phủ (trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 5 của quy định này).

Điều 9. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở"

1. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" được xét tặng hàng năm cho cá nhân tiêu biểu trong số các cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến", có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

2. Tỷ lệ xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến của cơ quan, đơn vị.

3. Tỷ lệ phiếu bầu chọn suy tôn cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở quyết định.

Điều 10. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh"

1. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh" được xét tặng hàng năm cho các cá nhân tiêu biểu trong số các cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" ba năm liên tục và phải có sáng kiến, giải pháp áp dụng công nghệ mới được Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh công nhận, được áp dụng mang lại hiệu quả cao trong công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh và có tác dụng, ảnh hưởng trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Tỷ lệ đề nghị tặng Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh" trong các cơ quan, đơn vị không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở.

3. Cá nhân được đề nghị công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh phải có số phiếu bầu chọn đạt tỷ lệ 90% nhất trí trở lên trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 11. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến"

Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm công tác cho tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 28 của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 (trừ các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Quy định này).

Điều 12. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"

1. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm công tác cho các tập thể có thành tích tiêu biểu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 (trừ các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Quy định này).

2. Đối tượng được đề nghị xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" thực hiện theo Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ.

Điều 13. Danh hiệu "Gia đình văn hóa", thôn, tổ dân phố văn hóa.

1. Danh hiệu "Gia đình văn hóa", thôn, tổ dân phố văn hóa ở xã, phường, thị trấn được xét tặng hàng năm cho các gia đình, thôn, tổ dân phố đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 29 và Điều 30 của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

2. Thẩm quyền xét tặng danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa, danh hiệu "Gia đình văn hóa" thực hiện theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 80 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003.

Điều 14. Cờ thi đua của UBND tỉnh

1. Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết công tác năm cho:

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương xếp thứ Nhì cụm, khối thi đua của tỉnh và cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh xếp thứ Nhất (hoặc thứ Nhì) khối thi đua;

b) Cơ quan, đơn vị địa phương dẫn đầu toàn diện phong trào thi đua của huyện, thành phố và dẫn đầu phong trào thi đua của tỉnh trên một số lĩnh vực;

2. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ Thi đua của Chính phủ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương xếp thứ Nhất cụm, khối thi đua của tỉnh.

3. Số lượng Cờ phân bổ như sau:

a) Tặng Cờ thi đua cho xã, phường, thị trấn dẫn đầu toàn diện phong trào thi đua của huyện, thành phố;

b) Tặng Cờ thi đua cho đơn vị dẫn đầu ngành nông nghiệp và Cờ thi đua cho xã dẫn đầu tỉnh trong phong trào chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xây dựng vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, xây dựng cánh đồng mẫu lớn đạt giá trị sản xuất và hiệu quả kinh tế cao nhất trên một đơn vị diện tích;

c) Tặng Cờ thi đua cho xã, phường, thị trấn dẫn đầu tỉnh trong phong trào "Phát triển nghề, xây dựng làng nghề";

d) Tặng Cờ thi đua cho xã, phường, thị trấn dẫn đầu tỉnh trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa";

e) Tặng Cờ thi đua cho đơn vị dẫn đầu khối thi đua các trung tâm Y tế tuyến tỉnh; Cờ thi đua cho đơn vị dẫn đầu khối thi đua các Bệnh viện Đa khoa huyện, thành phố và Cờ Thi đua cho đơn vị dẫn đầu khối thi đua các Bệnh viện tuyến tỉnh;

g) Tặng Cờ thi đua cho xã, phường, thị trấn dẫn đầu tỉnh trong phong trào “Toàn dân phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội” và Cờ thi đua cho đơn vị dẫn đầu tỉnh trong phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”;

h) Tặng Cờ thi đua cho xã, phường, thị trấn dẫn đầu tỉnh trong công tác “Quốc phòng quân sự địa phương”;

i) Tặng Cờ thi đua cho xã, phường, thị trấn dẫn đầu tỉnh phong trào “Đảm bảo an toàn giao thông”.

k) Tặng Cờ thi đua cho các cơ quan, đơn vị, địa phương dẫn đầu phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” và phong trào “Thi đua quyết thắng” của lực lượng vũ trang;

m) Tặng Cờ thi đua cho đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua các Hợp tác xã thuộc Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Cờ thi đua cho đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua các Doanh nghiệp thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp của tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ban Thi đua Khen thưởng – Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tặng Cờ.

3. Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xét chọn, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua cho các tập thể xuất sắc, tiêu biểu dẫn đầu toàn diện phong trào Giáo dục của tỉnh;

b) Số lượng Cờ phân bổ như sau: Khối Mầm non 01 Cờ; Khối Tiểu học 01 Cờ; Khối Trung học cơ sở 01 Cờ; Khối Trung học phổ thông và Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh 01 Cờ; Khối Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên huyện, thành phố 01 Cờ.

4. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh xét và tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tiêu biểu trong số những tập thể được huyện, thành phố, sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh công nhận đạt danh hiệu đơn vị “Gương mẫu về mọi mặt” 03 năm liên tục và năm trình khen có thành tích xuất sắc.

5. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh xét và tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh cho xã, phường, thị trấn tiêu biểu trong số những xã, phường, thị trấn được huyện, thành phố công nhận đạt danh hiệu “Chính quyền trong sạch vững mạnh” 03 năm liên tục và năm trình khen có thành tích xuất sắc tiêu biểu.

Mục 3

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG KHEN THƯỞNG

Điều 15. Giấy khen

Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành kịp thời cho các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thực hiện phong trào thi đua thường xuyên, theo đợt hoặc theo chuyên đề và các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất.

Điều 16. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng hàng năm cho các

tập thể, cá nhân:

- a) Cơ quan, đơn vị, địa phương xếp thứ Ba cụm, khối thi đua của tỉnh;
- b) Xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu;
- c) Xã dẫn đầu huyện, thành phố trong phong trào chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xây dựng vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, xây dựng cánh đồng mẫu lớn đạt giá trị sản xuất và hiệu quả kinh tế cao nhất trên một đơn vị diện tích;
- d) Xã dẫn đầu huyện, thành phố trong phong trào sản xuất vụ Đông;
- e) Xã dẫn đầu huyện, thành phố trong phong trào phát triển chăn nuôi;
- g) Xã (phường, thị trấn) dẫn đầu huyện, thành phố trong phong trào "Phát triển nghề, xây dựng làng nghề";
- h) Xã (phường, thị trấn) dẫn đầu huyện, thành phố trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá";
- i) Xã (phường, thị trấn) dẫn đầu huyện, thành phố trong phong trào "Toàn dân phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội";
- k) Tập thể có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền công nhận;
- m) Cá nhân có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền công nhận và phải có 02 sáng kiến được Hội đồng sáng kiến cơ sở công nhận được áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở;
- n) Cá nhân tiêu biểu trong phong trào "Sản xuất, kinh doanh giỏi", phong trào "Lao động giỏi, lao động sáng tạo".

Huyện, thành phố chủ trì phối hợp với Hội Nông dân xét chọn cá nhân tiêu biểu trong phong trào thi đua "Sản xuất kinh doanh giỏi" của huyện, thành phố đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen đảm bảo cơ cấu 5 xã, phường, thị trấn thì chọn 1 người, nếu dư 3 hoặc 4 xã, phường, thị trấn thì được chọn thêm 01 người.

Liên đoàn lao động tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị liên quan tổ chức xét chọn và đề nghị không quá 15 công nhân tiêu biểu trong phong trào "Lao động giỏi, lao động sáng tạo".

2. Đối với khen thưởng đột xuất

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng cho các tập thể, cá nhân lập được nhiều thành tích xuất sắc, đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh; công nhân, nông dân, người lao động có nhiều thành tích hoặc có những đóng góp to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã. Cụ thể:

- a) Có hành động dũng cảm trong cứu hộ, cứu nạn (cứu người và tài sản của nhân dân);
- b) Có thành tích đặc biệt trong lao động, sản xuất, kinh doanh giải quyết việc làm cho nhiều lao động, mang lại hiệu quả kinh tế cao;
- c) Có hành động dũng cảm trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- d) Đạt giải Nhất trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp tỉnh, trong toàn quốc khu vực và quốc tế;
- e) Các gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội trị giá từ 100 triệu đến dưới 500 triệu đồng.

Điều 17. Bằng Công nhận, Bằng ghi công

1. Bằng công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới là hình thức ghi nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh cho các địa phương đạt chuẩn Quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

2. Bằng ghi công là hình thức ghi nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh cho các tập thể, cá nhân và hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội trị giá từ 20 triệu đến dưới 100 triệu đồng.

3. Địa phương đạt chuẩn Quốc gia về xây dựng nông thôn mới được Ủy ban nhân dân tỉnh trao Bằng Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; Các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội trị giá từ 20 triệu đến dưới 100 triệu đồng được nhận Bằng ghi công (không kèm theo tiền thưởng).

4. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét và tổ chức trao tặng kịp thời.

Điều 18. Khen thưởng cấp Nhà nước

1. Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Các huyện, thành phố khi đề nghị tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lao động, Chiến sỹ Thi đua Toàn quốc, Huân chương các loại, các hạng cho các tập thể, cá nhân phải lấy ý kiến của Ủy ban Kiểm tra, Thanh tra huyện, thành phố đồng thời phải được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy.

3. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tổng hợp và đề nghị Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Thanh tra tỉnh xem xét và cho ý kiến bằng văn bản đồng thời phải báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đề nghị tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lao động, Chiến sỹ Thi đua toàn quốc, Huân chương các loại, các hạng cho các tập thể, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Mục 4

TRÌNH TỰ, THỜI GIAN VÀ THỦ TỤC HỒ SƠ KHEN THƯỞNG

Điều 19. Trình tự và thời gian đề nghị khen thưởng

1. Đối với khen tổng kết năm:

Hàng năm, vào dịp tổng kết năm Cúm, khối thi đua thuộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức xét tặng và trình cấp có thẩm quyền tặng thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc theo quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

a) Các Cúm, Khối thi đua thuộc tỉnh tổ chức bình xét và suy tôn đơn vị xếp thứ tự Nhất, Nhì, Ba. Cơ cấu như sau:

Cúm Khối thi đua có dưới 6 đơn vị xét chọn 01 tập thể xếp thứ Nhất, 01 tập thể xếp thứ Nhì, 01 tập thể xếp thứ Ba;

Cúm, khối thi đua có từ 6 đến 9 đơn vị xét chọn 01 tập thể xếp thứ Nhất, 01 tập thể xếp thứ Nhì, 02 tập thể xếp thứ Ba;

Cúm, khối thi đua có từ 10 đơn vị trở lên xét chọn 01 tập thể xếp thứ Nhất, 01 tập thể xếp thứ Nhì, 03 tập thể xếp thứ Ba.

b) Giám đốc sở, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Tổng Công ty, Trưởng Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất tổ chức xét và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét và trình cấp trên khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương;

c) Đối với tổ chức Công đoàn việc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và đề nghị Chủ tịch xét trình cấp trên khen thưởng thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 Thông tư số 07/2014/TT-BNV;

d) Cơ quan quản lý về giáo dục và đào tạo thuộc huyện, thành phố; Sở Giáo dục và Đào tạo; các trường Đại học và Cao đẳng trình khen thưởng cho các tập thể, cá nhân vào dịp tổng kết năm; các đơn vị trường học trực thuộc huyện, thành phố và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo trình khen thưởng cho các tập thể, cá nhân sau khi kết thúc năm học;

e) Việc khen thưởng tổng kết năm được tiến hành từ tháng 12 hàng năm và kết thúc chậm nhất 31 tháng 01 của năm kế tiếp. Đối với các đơn vị trường học trực thuộc huyện, thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo việc trình khen thưởng chậm nhất 15/7 hàng năm.

2. Đối với khen thưởng đột xuất: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương phải báo cáo và đề nghị khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc (qua Ban Thi đua Khen thưởng - Sở Nội vụ) đảm bảo thời gian nhanh nhất.

3. Đối với khen thưởng chuyên đề: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức xét chọn và lập danh sách đề nghị khen thưởng đảm bảo đúng tiến độ thời gian quy định.

Điều 20. Hồ sơ đề nghị khen thưởng.

Hồ sơ thủ tục khen thưởng thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành, các quy định về giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm hành chính công của tỉnh thuộc lĩnh vực thi đua, khen thưởng.

Các tập thể, cá nhân có trách nhiệm báo cáo thành tích trình các cấp có thẩm quyền khen thưởng. Tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải khai báo trung thực về thành tích đạt được và chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai thành tích đề nghị khen thưởng.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về tính chính xác và xác nhận hồ sơ khen thưởng của các tập thể, cá nhân.

Các văn bản trong hồ sơ khen thưởng có từ 02 tờ trở lên phải có dấu giáp lai của cơ quan trực tiếp lập hồ sơ trình khen thưởng.

1. Đối với khen thưởng tổng kết năm, hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của cấp trình khen (01 bản);

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình khen (01 bản)

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng viết theo mẫu quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ. Báo cáo thành tích phải đóng thành quyển, có bìa và có đầy đủ xác nhận theo quy định.

Số lượng: 01 bản báo cáo thành tích đối với trường hợp đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ, Bằng khen, danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc và danh hiệu Chiến sỹ Thi đua cấp tỉnh; 02 bản báo cáo đối với trường hợp đề nghị tặng Bằng khen, Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính phủ và danh hiệu Chiến sỹ Thi đua toàn quốc; 03 bản báo cáo đối với trường hợp đề nghị tặng thưởng Huân chương, Huy chương các loại, các hạng và danh hiệu Anh hùng lao động.

d) Các giấy tờ có liên quan làm cơ sở cho điều kiện xét tặng (bản phô tô hợp lệ đính kèm bản báo cáo thành tích) cụ thể như sau:

Cá nhân đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” phải có Giấy chứng nhận hoặc Quyết định tặng thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” 03 năm liên tục của cấp có thẩm quyền và Giấy chứng nhận đề tài, sáng kiến của một trong 3 năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.

Cá nhân đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải có Giấy chứng nhận thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục của cấp trình khen và giấy chứng nhận có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở do Hội đồng sáng kiến cơ sở công nhận. Tập thể đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen phải có giấy chứng nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục của cấp trình khen.

Các tập thể, cá nhân đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ không sử dụng Bằng khen của cơ quan, hội, đoàn thể thuộc tỉnh và Bằng khen chuyên đề, đột xuất để làm căn cứ đề nghị xét khen. Trường hợp sử dụng Bằng khen của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương làm căn cứ xét khen thì phải nộp bản phô tô hợp lệ Bằng khen của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương để thẩm định.

e) Đối với Doanh nghiệp phải có giấy xác nhận của cơ quan thuế và Bảo hiểm xã hội về thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, BHXH và của Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường;

g) Đối với Hồ sơ đề nghị tặng Bằng khen cho gia đình có nhiều đóng góp về công sức, đất đai, tài sản cho địa phương, xã hội phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi gia đình tham gia đóng góp.

2. Đối với khen thưởng tổng kết phong trào thi đua do tỉnh phát động, hồ sơ đề nghị khen thưởng 01 bộ gồm:

- a) Tờ trình kèm danh sách đề nghị khen thưởng của cấp trình khen;
- b) Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng của cấp trình khen;
- c) Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng viết theo mẫu quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ. Báo cáo thành tích phải đóng thành quyển, có bìa và có đầy đủ xác nhận theo quy định.

3. Tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, trong học tập và công tác do người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phát hiện và đề nghị khen thưởng. Hồ sơ đề nghị khen thưởng 01 bộ gồm:

- a) Tờ trình kèm danh sách đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng cơ quan đơn vị địa phương;
- b) Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng của cơ quan, đơn vị địa phương;
- c) Bản tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân do cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo và viết theo mẫu quy định.

4. Đối với khen thưởng nhân kỷ niệm, ngày thành lập, ngày truyền thống:
Hồ sơ đề nghị khen thưởng 01 bộ gồm:

a) Kế hoạch tổ chức lễ kỷ niệm ngày truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Tờ trình kèm danh sách đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng cơ quan đơn vị địa phương;

c) Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng của cơ quan, đơn vị địa phương;

d) Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng viết theo mẫu quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ. Báo cáo thành tích phải đóng thành quyển, có bìa và có dấu giáp lai.

Mục 5

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 21. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng, nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng các cấp thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Điều 2, Điều 3 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/05/2011 của Bộ Tài chính.

2. Mức tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75 và 76 của Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

3. Về tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

b) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

c) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Mục 6

CỤM, KHỐI THI ĐUA

HỘI ĐỒNG THI ĐUA-KHEN THƯỞNG

HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

Điều 22. Cụm, khối thi đua:

1. Việc tổ chức, phân chia các đơn vị theo Cụm, khối thi đua thuộc tỉnh thực hiện theo Hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và trên cơ sở tình hình thực tế của tỉnh.

2. Các đơn vị thuộc Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh được điều chỉnh và bổ sung hàng năm cho phù hợp. Trưởng Cụm, Khối thi đua của tỉnh có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của Cụm, Khối thi đua được thành lập theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức phân chia cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc huyện, thành phố theo cụm, Khối thi đua và ban hành Quy chế hoạt động của Cụm, Khối thi đua để tổ chức hoạt động nền nếp và hiệu quả.

Điều 23. Hội đồng Thi đua- Khen thưởng tỉnh

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng. Số lượng, cơ cấu, thành phần và quy chế hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Điều 18 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

Điều 24. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở

1. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện Lãnh đạo cơ quan, bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương;
- c) Các thành viên của Hội đồng là đại diện tổ chức đảng, đoàn thể, một số lĩnh vực chuyên môn cần thiết của cơ quan, đơn vị, địa phương;

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng để tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

b) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng;

c) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương, phong tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng;

d) Phòng Nội vụ huyện, thành phố; Văn phòng (hoặc Phòng Tổ chức, Cán bộ) của các sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, địa phương, đơn vị.

Điều 25. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học

1. Thành lập Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở để xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp cấp cơ sở. Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” quyết định thành lập.

Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ quản lý chuyên môn, kỹ thuật, có năng lực đánh giá, thẩm định các sáng kiến cải tiến hoặc các giải pháp trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học của tỉnh xét duyệt công nhận đề tài, sáng kiến cấp tỉnh khi xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” và đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

Căn cứ vào Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh và văn bản của Trung ương, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng quy chế, quy định về công tác thi đua, khen thưởng cho phù hợp với tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 27. Giao Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung kịp thời. *./.*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Diên